

Bản án số: 21/2018/DS-ST

Ngày: 22/6/2018

“V/v Tranh chấp hụi”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHƯỚC LONG - TỈNH BẠC LIÊU**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Phan Thị Đang**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Trần Văn Phước**.

2. Bà **Ngô Thị Như Ý**.

Thư ký Tòa án: Ông **Tạ Văn Cung** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phước Long.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phước Long: Bà **Đoàn Vũ Loan** – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong ngày 22 tháng 6 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phước Long, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 18/2018/TLST – DS ngày 22 tháng 01 năm 2018, về việc: “*Tranh chấp hụi*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 67/2018/QĐXXST-DS ngày 07 tháng 5 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 59/2018/QĐST-DS ngày 24 tháng 5 năm , giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Mạc Th C** - sinh năm 1950.

Địa chỉ: Ấp A, tt X, huyện P, tỉnh Bạc Liêu.

Bị đơn: Chị **Nguyễn Th Th** – sinh năm 1983.

Địa chỉ: Ấp A, tt X, huyện P, tỉnh Bạc Liêu.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh **Nguyễn V R** - sinh năm 1983.

Địa chỉ: Ấp A, tt X, huyện P, tỉnh Bạc Liêu.

Bà C và chị Th có mặt tại phiên tòa, anh R vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Theo đơn khởi kiện và các lời khai có trong hồ sơ vụ án bà C trình bày và yêu cầu: Bà C có tham gia chơi hụi do chị Th làm chủ hụi, là loại hụi 2.000.000đ, một tháng mở hụi một lần, hụi có 25 thành viên, hụi mở được 19 lần đến thứ 20 thì chị Th tuyên bố bế hụi. Bà C xác định hụi này chị Th làm chủ hụi thì chồng chị Th là anh R có biết, nên bà C yêu cầu chị Th và anh R cùng trả cho bà C 19 lần hụi lời là 38.000.000đ, chị Th đã trả được 5.000.000đ, nên bà C yêu cầu trả cho bà 33.000.000đ, bà C không yêu cầu tính lãi suất.

* Bị đơn chị Th trình bày:

- Chị Th thừa nhận có làm chủ hụi như bà C trình bày, hụi cũng được giao dịch như bà C trình bày. Nhưng do các hụi viên hốt hụi xong không đóng hụi, chị Th không có khả năng đóng hụi thay nên đã tuyên bố bế hụi vào lần thứ 20. Bà C đóng được 19 lần hụi sống, chị Th đồng ý trả cho bà C số tiền hụi bà C đã đóng là 26.600.000đ, trừ 5.000.000đ chị Th đã trả cho bà C thì chị Th chỉ đồng ý trả cho bà C 21.600.000đ. Do chị Th làm chủ hụi chồng chị Th không biết, giao dịch hụi này từ chị Th thực hiện và lợi nhuận từ hụi chị Th sử dụng cá nhân chị Th, nên chị Th đồng ý đây là nợ riêng và đồng ý một mình chị Th trả nợ cho bà C.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Nguyễn V R đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt.

* Tại phiên tòa:

- Bà C và chị Th thống nhất số tiền nợ hụi mà chị Th còn nợ bà C là 33.000.000đ.

- Bà C chỉ yêu cầu trả 33.000.000đ, không yêu cầu tính lãi suất.

- Bà C xác định đây là nợ chung của chị Th và anh R, nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh đây là nợ chung của anh R và chị Th.

- Chị Th xác định giao dịch hụi này chỉ một mình chị Th thực hiện anh R không biết gì về giao dịch này, lợi nhuận từ giao dịch này chị Th sử dụng cho mục đích cá nhân của chị Th, anh R không biết. Chị Th thừa nhận đây là nợ riêng và đồng ý một mình chị Th trả nợ riêng của chị Th cho bà C.

* Ý kiến của Kiểm sát viên:

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán và Thư ký kể từ khi thụ lý vụ án đến khi ban hành Quyết định đưa vụ án ra xét xử đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật. Đối với Hội đồng xét xử và Thư ký tính từ thời điểm bắt đầu phiên tòa cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào phòng nghị án đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn và bị đơn tuân thủ đúng theo quy định của pháp luật, anh R vi phạm khoản 15 và 16 Điều 70 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Chấp nhận một phần yêu cầu của bà C, buộc chị Th trả cho bà C số tiền nợ hụi là 33.000.000đ

* Các tình tiết của vụ án:

- Bà C và chị Th thống nhất số tiền nợ hui là 33.000.000đ.
- Bà C xác định đây là nợ chung của chị Th và anh R, nên yêu cầu chị Th và anh R cùng có nghĩa vụ trả nợ cho bà C 33.000.000đ, không yêu cầu tính lãi suất.
- Chị Th xác định chị Th tự giao dịch hui anh R không biết, các lợi nhuận từ giao dịch này chị Th sử dụng cho cá nhân của chị Th, anh R không biết. Chị Th xác định đây là nợ riêng và đồng ý một mình chị Th trả cho bà C số tiền 33.000.000đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án dân sự: Bà C khởi kiện yêu cầu chị Th trả tiền nợ hui, được Tòa án nhân dân huyện Phước Long thụ lý - giải quyết là phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[2] Anh R đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không lý do, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh R theo quy định tại Điều 227 và 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của bà C:

3.1/ Tại phiên tòa sơ thẩm bà C và chị Th thống nhất số tiền nợ hui còn lại là 33.000.000đ. Việc bị đơn thừa nhận yêu cầu của nguyên đơn được xem là tình tiết sự kiện không phải chứng minh như quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, nên được Hội đồng xét xử lấy làm căn cứ để giải quyết vụ án.

3.2/ Về nghĩa vụ trả nợ: Bà C xác định hui này được chị Th giao dịch trong thời kỳ hôn nhân của chị Th và anh R, nên bà C yêu cầu chị Th và anh R trả cho bà C số tiền 33.000.000đ. Tòa án đã đến nhà anh R và chị Th nhiều lần nhưng anh R thường xuyên vắng mặt tại nhà, nên Tòa án không làm việc được với anh R, anh R cũng không nộp văn bản thể hiện ý kiến của anh R đối với sự thừa nhận nợ riêng của chị Th; Trong khi đó chị Th xác định khi chị Th thực hiện giao dịch hui này anh R không biết, lợi nhuận từ giao dịch này cũng được chị Th sử dụng vào mục đích cá nhân của chị Th, chị Th xác định đây là nợ riêng của chị Th và đồng ý một mình chị trả nợ cho bà C. Do bà C không chứng minh được đây là nợ chung của chị Th và anh R, còn chị Th thì thừa nhận đây là nợ riêng của chị Th, nên Hội đồng xét xử có căn cứ xác định đây là nợ riêng của chị Th, buộc chị Th có nghĩa vụ trả cho bà C số tiền này.

3.3/ Do bà C không yêu cầu tính lãi suất đối với số tiền nợ hui, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[4] Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên về thủ tục tố tụng và ý kiến về việc giải quyết vụ án là đúng, nên được Hội đồng xét xử ghi nhận.

[5] Từ những phân tích nêu trên, có đủ căn cứ chấp nhận một phần yêu cầu của bà C, buộc Th trả cho bà C số tiền nợ hui là 33.000.000đ. Bà C không yêu cầu tính lãi suất, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[6] Về án phí dân sự có giá ngạch trong vụ án:

- Do bà C được chấp nhận yêu cầu, nên bà C không phải chịu án phí. Bà C được miễn nộp tạm ứng án phí, nên không phải trả án phí lại cho bà C.

- Buộc chị Nguyễn Th Th phải chịu án phí đối với nghĩa vụ trả nợ là 1.650.000đ, do chị Th có đơn xin miễn án phí và có xác nhận của Ủy ban nhân dân thị trấn Phước Long là chị Th đang gặp khó khăn về kinh tế, nên miễn 50% án phí cho chị Th, chị Th phải nộp 50% số tiền án phí còn lại là 825.000đ.

[7] Các đương sự có quyền kháng cáo, Viện kiểm sát nhân dân có quyền kháng nghị Bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng các Điều 26, 35, 39, 147, 227, 228, 244, 246, 271, 273, 278 và Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng Điều 479 của Bộ luật Dân sự 2015;

- Áp dụng Nghị định số 144/2006/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2006 của Chính phủ.

- Áp dụng Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Mạc Th C, buộc chị Nguyễn Th Th trả cho bà C số tiền nợ hui là 33.000.000đ. Bà C không yêu cầu tính lãi suất nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

2. Không chấp nhận yêu cầu của bà C đối với anh Nguyễn V R.

3. Về án phí dân sự có giá ngạch:

- Do bà C không phải chịu án phí. Bà C được miễn nộp tạm ứng án phí, nên không phải trả án phí lại cho bà C.

- Buộc chị Nguyễn Th Th phải chịu án phí đối với nghĩa vụ trả nợ là 1.650.000đ, do chị Th có đơn xin miễn án phí và có xác nhận của Ủy ban nhân dân

thị trấn Phước Long là chị Th đang gặp khó khăn về kinh tế, nên miễn 50% án phí cho chị Th, chị Th phải nộp 50% số tiền án phí còn lại là 825.000đ.

“Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án theo Điều 6; quyền và nghĩa vụ theo các Điều 7, 7a, 7b; tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai, đương sự có mặt có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày tròn kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày tròn, kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết Bản án. Viện kiểm sát nhân dân có quyền kháng nghị Bản án theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận

- VKSND huyện Phước Long;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Phan Thị Đang